TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-5-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY,TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương Đông.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Anh Đào – Thư ký Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Ngày 31-5-2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2023/TLST-HNGĐ ngày 14-3-2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24-4-2023 và Thông báo mở lại phiên toà số 13/TB-TA ngày 15-5-2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 5, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Ngọc S, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 5, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-3-2023, trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh Ngọc S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 22-01-2010. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Trịnh Ngọc S rượu chè, cờ bạc rồi ghen tuông vô cớ, thường xuyên hành hạ, đánh đập chị T, chị T đã nhiều lần nhờ Cơ quan Công an và chính quyền địa phương can thiệp giải quyết nhưng anh S vẫn không chịu sửa đổi mà còn đánh đập cả các con và mẹ đẻ của anh S. Do không thể chung sống được với anh S, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2022 đến nay không ai còn quan tâm đến

nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện TY giải quyết cho chị được ly hôn anh Trịnh Ngọc S.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và Anh Trịnh Ngọc S có ba con chung là Trịnh Bảo N, sinh ngày 20-5-2010, Trịnh Thiên N sinh ngày 20-5-2010 đều có nguyện vọng được sống với mẹ và Trịnh Tuấn K, sinh ngày 22-10-2018. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi cả ba con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TY đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Trịnh Ngọc S. Tuy nhiên bị đơn anh Trịnh Ngọc S không có mặt tại Tòa án và không có bản tự khai. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của anh Svà Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện TY nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn Anh Trịnh Ngọc S có đăng ký hộ khẩu tại Thôn 5, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn anh Trịnh Ngọc S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh Ngọc S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 22-01-2010 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo Chị Nguyễn Thị T là do anh Trịnh Ngọc S rượu chè, cờ bạc rồi ghen tuông vô cớ thường xuyên hành hạ, đánh đập chị T. Chị T đã nhiều lần nhờ sự giúp đỡ của Cơ quan Công an và chính quyền địa phương can thiệp giải quyết nhưng anh S vẫn không chịu sửa đổi mà còn đánh đập cả các con và mẹ đẻ của anh S. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 11 năm 2022 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau. Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái đã thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn anh S không đến Tòa, không có bản tự khai gửi cho Toà án, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị T, anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trịnh Ngọc S theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh Ngọc S có ba con chung là Trịnh Bảo N, sinh ngày 20-5-2010, Trịnh Thiên N sinh ngày 20-5-2010 đều có nguyện vọng được sống với mẹ và Trịnh Tuấn K, sinh ngày 22-10-2018. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi cả ba con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T có cung cấp cho Toà án xác nhận công việc và lương trong thời gian 03 tháng gần nhất như sau: Lương tháng 1 là 10.000.000 đồng, lương tháng 2 là 10.650.000 đồng, lương tháng 3 là 11.230.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy với mức thu nhập nêu trên, chị T có khả năng đảm bảo về điều kiện kinh tế để chăm sóc, nuôi dạy cả ba con. Đồng thời anh S không đến Toà án và không có lời khai thể hiện nguyện vọng được nuôi con, vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo về điều kiện tinh thần và cuộc sống ổn định cần giao các con Trịnh Bảo N, cháu Trịnh Thiên Ngọc và cháu Trịnh Tuấn K cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Xét thấy anh S vắng mặt tại Tòa án, chị T cũng không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác do anh S chưa có lời khai nên chưa có cơ sở xem xét. Vì vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản và nợ chung.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí DSST ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trịnh Ngọc S.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Bảo N, sinh ngày 20-5-2010, cháu Trịnh Thiên N sinh ngày 20-5-2010 và cháu Trịnh Tuấn K, sinh ngày 22-10-2018 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Trịnh Ngọc S không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0000338 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Yên Bái ngày 14-3-2023.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND xã ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Phương